

Số: **326/QĐ-UBND**

Hòa Bình, ngày **04** tháng 02 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp trong việc đánh giá tác động  
của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính  
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 27/STP-KSTT ngày 05/01/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Hòa Bình;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (BTh, 60b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp trong việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát,  
đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**  
*(Kèm theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 04/02/2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp của Sở Tư pháp, các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đánh giá tác động thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC).

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

#### **Điều 2. Nguyên tắc phối hợp**

1. Đảm bảo quá trình phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, thống nhất trong việc đánh giá tác động của TTHC quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh đúng thời gian, trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức và các quy định của pháp luật có liên quan; không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, tổ chức. Phối hợp nhằm trao đổi thông tin kịp thời trong quá trình đánh giá tác động TTHC; rà soát, đánh giá TTHC.

3. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời gian đánh giá tác động có quy định TTHC và rà soát, đánh giá TTHC.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong quy định này, các cụm từ sau đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá tác động của TTHC* là việc nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC cũng như tính các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC dự kiến ban hành để cân nhắc,

lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung TTHC.

2. *Rà soát, đánh giá TTHC* là việc thống kê, tập hợp, đánh giá các TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nhằm phát hiện để kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

3. *Tính chi phí tuân thủ TTHC* là việc lượng hóa các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC đã ban hành hoặc dự kiến ban hành.

## **Chương II**

### **MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TTHC**

#### **Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành**

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có quy định về TTHC thực hiện đánh giá tác động của TTHC theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

##### **a) Thời điểm đánh giá tác động**

Việc đánh giá tác động của TTHC được tiến hành ngay khi dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC và phải hoàn thành trước khi gửi Sở Tư pháp thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có quy định TTHC thực hiện đánh giá tác động TTHC theo các bước sau:

- Tiến hành đánh giá tác động của TTHC: Cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng các biểu mẫu và nội dung quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 của Thông tư số 07/2014/TT-BTP để đánh giá về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ của TTHC.

- Hoàn thiện các quy định về TTHC: Trong quá trình đánh giá tác động, nếu TTHC được xác định là không cần thiết thì cơ quan soạn thảo ngừng việc đánh giá và không quy định TTHC trong dự thảo văn bản. Nếu TTHC được xác định là cần thiết thì tiếp tục đánh giá và căn cứ kết quả đánh giá, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa, hoàn thiện quy định về TTHC nhằm bảo đảm TTHC tại dự thảo văn bản thực sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và hiệu quả.

- Tổng hợp kết quả đánh giá tác động của TTHC: Sau khi đánh giá tác động của TTHC, cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá tác động thành báo cáo riêng.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ lấy ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản đến Sở Tư pháp, gồm: Văn bản đề nghị tham gia ý

kiến, dự thảo Quyết định, bản đánh giá tác động, báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá tác động về TTHC.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý, giải trình các nội dung chưa nhất trí; hoàn thiện dự thảo và bản đánh giá tác động, báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá tác động về TTHC trong dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định.

### **Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ gửi lấy ý kiến, Sở Tư pháp phải có văn bản tham gia ý kiến đối với TTHC được quy định trong dự thảo (kể cả trường hợp nhất trí hoàn toàn với nội dung dự thảo).

2. Tham gia ý kiến về nguyên tắc quy định TTHC

a) Đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện;

b) Phù hợp với mục tiêu quản lý hành chính nhà nước;

c) Bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện TTHC;

d) Tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước;

e) Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của các quy định về TTHC; TTHC phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định trên cơ sở bảo đảm tính liên thông giữa các TTHC liên quan, thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch, hợp lý.

3. Tham gia ý kiến về các bộ phận cấu thành của TTHC

a) Tên TTHC;

b) Trình tự thực hiện;

c) Cách thức thực hiện;

d) Thành phần, số lượng hồ sơ;

e) Đối tượng thực hiện TTHC;

g) Cơ quan thực hiện TTHC;

h) Kết quả thực hiện TTHC;

i) Tùy trường hợp cụ thể, Sở Tư pháp thực hiện lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của TTHC thông qua tham vấn, hội nghị, hội thảo hoặc tổ chức đánh giá tác động độc lập về TTHC trong dự thảo.



### **Chương III**

## **MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRONG VIỆC RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ TTHC**

### **Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Định kỳ hàng năm hoặc theo chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền, chủ trì lập Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện TTHC, nếu phát hiện TTHC, nhóm TTHC, quy định hành chính có vướng mắc, bất cập, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và đời sống của nhân dân mà chưa có trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thì kịp thời đề xuất cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc rà soát, đánh giá.

2. Xem xét, đánh giá chất lượng rà soát theo các nội dung: Việc sử dụng biểu mẫu rà soát, đánh giá; bảng tính toán chi phí tuân thủ; chất lượng phương án đơn giản hóa; tỷ lệ cắt giảm số lượng TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

### **Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành**

1. Căn cứ vào Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm đã được Thủ trưởng cơ quan, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các cơ quan được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC tập trung tiến hành rà soát theo yêu cầu về mục tiêu và tiến độ của kế hoạch. Việc rà soát, đánh giá TTHC thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 và Biểu mẫu 02/RS-KSTT Phụ lục III, 03/SCM-KSTT Phụ lục VI Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

2. Cơ quan được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá gồm: Nội dung phương án đơn giản hóa TTHC và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi.

3. Cơ quan được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC gửi kết quả rà soát, đánh giá và biểu mẫu rà soát, đánh giá (trước và sau rà soát) đã được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt về Sở Tư pháp để xem xét, đánh giá chất lượng.

4. Trên cơ sở đánh giá của Sở Tư pháp, các cơ quan chủ trì rà soát hoàn thiện kết quả rà soát, đánh giá TTHC và dự thảo Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC theo mẫu kèm theo Quy chế này, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

5. Đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã có liên quan đến cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực nào thì cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực đó có trách nhiệm xem xét, giải quyết trên cơ sở kiến nghị của UBND cấp huyện hoặc đề xuất của Sở Tư pháp, hướng dẫn việc rà soát, đánh giá TTHC, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 8. Trách nhiệm của UBND cấp huyện**

1. Căn cứ vào Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm, thực hiện rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của đơn vị; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá TTHC theo yêu cầu và tiến độ của kế hoạch. Việc rà soát, đánh giá TTHC thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

2. Tổng hợp kết quả rà soát thuộc thẩm quyền quản lý, đề xuất cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

## **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./\*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

**Phụ lục**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực.....thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Căn cứ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá TTHC;

Căn cứ Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc rà soát thủ tục hành chính năm ...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa ... thủ tục hành chính trong lĩnh vực..... thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ngành...(Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Sở, ngành, các đơn vị có liên quan:

1. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thông qua.

**Điều 3.** Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục...**  
**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC.....**

---

**1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:.....**

**1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)**

a).....

**Lý do:.....**

b).....

**Lý do:.....**

*Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).*

**1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)**

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ..... đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ..... đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ..... đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: .... %.

**2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục: .....**

**2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)**

a).....

**Lý do:.....**

b).....

**Lý do:.....**

*Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).*

**2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)**

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: ..... đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: ..... đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: ..... đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: .... %.